

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2022/HS-ST

Ngày: 29 - 6 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm A Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ.
2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn A – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 149/2022/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Võ Quang A, sinh năm: 1980, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Võ Quang S, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946; bị cáo là con thứ 04 trong gia đình có 05 anh chị em; vợ: Kim Thị T, sinh năm 1977 và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/6/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đức T (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956 (Mẹ).
Địa chỉ: khu phố C, phường D, thành phố F, tỉnh Bình Dương.
2. Chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1976 (Vợ).

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Em Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997 (con).

Địa chỉ: phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Em Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1999 (Con).

Địa chỉ: Khu phố H, phường K, thành phố L, tỉnh Bình Dương.

Bà C, chị S, em V cùng ủy quyền cho em Nguyễn Thị Thanh T làm đại diện, em Th có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Nam H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: đường D, phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2003, Võ Quang A không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định nhưng đã sử dụng tên và giấy phép lái xe của anh ruột là Võ Quang N (thời điểm này, Nghệ đang chấp hành án phạt tù về tội trộm cắp tài sản tại Trại giam X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) để xin lái xe ô tô thuê cho anh Nguyễn Nam H và được trả tiền công hàng tháng.

Khoảng 04 giờ ngày 10/8/2003, Nguyễn Nam H giao cho Võ Quang A điều khiển xe ô tô ben biển số 5*x-6**1 chở vật liệu xây dựng. Võ Quang A điều khiển xe ô tô biển số 5*x-6**1 lưu thông trên Quốc lộ 13 theo hướng từ ngã tư T về hướng ngã tư X. Khi lưu thông đến khu vực trước trụ điện số 101, Quốc lộ 13, phường H, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước, Võ Quang A đã để phía trước xe ô tô biển số 5*x-6**1 đụng vào phía sau xe mô tô biển số 5*X-0**2 kéo rơmóc tự chế do anh Nguyễn Đức T điều khiển, trên xe chở chị Trần Thị Kim H làm xe mô tô ngã vào lề phải, anh Tuấn và chị H bị thương nên Võ Quang A đã đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa nhân dân quận Thủ Đức nhưng sau đó anh T đã tử vong, chị H bị thương nhẹ đã bình phục.

Ngày 03/11/2003, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Võ Quang A về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, Võ Quang A bỏ trốn, hết thời hạn điều tra nhưng không biết rõ bị can đang ở đâu nên ngày 10/3/2004 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Thủ Đức ra

quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can và ra quyết định truy nã đối với Võ Quang A.

Ngày 22/6/2021, Công an huyện B, tỉnh Sơn La đã bắt được Võ Quang A theo quyết định truy nã và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Võ Quang A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai nhận: Sau khi gây tai nạn giao thông cho anh Tuấn và chị H, thấy anh T và chị H chỉ bị thương vẫn nói chuyện được nên Võ Quang A nhờ xe ba gác của người dân ven đường đưa vào anh Tuấn và chị H vào Bệnh viện đa khoa Thủ Đức để cấp cứu. Sáng hôm sau, nghe tin anh Tuấn tử vong. Do không có giấy phép lái xe theo quy định và sợ trách nhiệm hình sự nên Võ Quang A đã đến các tỉnh phía Bắc đi làm thuê nhiều nơi. Năm 2005, Võ Quang A đến A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La sinh sống cho khi bị bắt truy nã.

Hiện trường xảy ra tai nạn: Đường thẳng được rải nhựa bằng phẳng áp dụng lưu thông thành 02 chiều, có làn sơn phân tuyến cho mỗi chiều lưu thông, chiều rộng làn đường hướng từ ngã tư T về ngã tư X rộng 6,5 mét. Mặt đường hướng ngược lại rộng 6 mét. Nơi đây không có biển báo. Tình hình lúc xảy ra tai nạn vắng. Sau khi tai nạn xe mô tô biển số 5*X-0**2 đậu trong lề phải, đầu xe quay ngược về hướng ngã tư X. Rơmoóc xe mô tô ngã qua phải nằm phía trước xe mô tô. Đầu rơmoóc quay về hướng ngã tư X. Bên phải rơmoóc có trái cây đổ xuống đường. Phía trước xe mô tô còn để lại vết cày và vết hằn xe mô tô. Phía trước vết cày và vết hằn còn để lại hai vết thẳng xe ô tô. Toàn bộ các dấu vết đo vào lề phải theo hướng xe lưu thông. Từ trục trước xe mô tô đo vào lề 1,2 mét, bánh sau đo vào lề 1 mét, bánh rơmoóc đo vào lề 0,5 mét. Vết cày và vết hằn bánh xe mô tô dài 18,2 mét, đầu vết cày và vết hằn đo vào lề 3,2 mét, cuối vết cày và vết hằn đo vào lề 0,5 mét. Cuối vết cày và vết hằn vỏ xe đo cách trục rơmoóc xe mô tô 4,9 mét. Vết thẳng bên phải xe ô tô kích thước 14,5 mét. Đầu vết thẳng đo vào lề 3,7 mét. Cuối vết thẳng đo vào 4,2 mét. Cuối vết thẳng đo cách vết cày và vết hằn xe mô tô 3,6 mét. Hai dấu vết thẳng xe ô tô cách nhau 4 mét. Vết thẳng bên trái kích thước 10 mét x 0,1 mét. Đầu vết thẳng đo vào lề 5,6 mét. Kích thước trái cây rơi xuống đường 1,3 mét x 0,8 mét.

Bản giám định pháp y số 1048/GDPY ngày 05/10/2003 của Tổ chức giám định kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Nguyễn Đức T chết do đa chấn thương.

Bản kết luận giám định số 2548/C21 (CIII) ngày 24/10/2003 của Phân viện 3303/C09B ngày 06/7/2021 của Phân Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an

đã kết luận: “Romoóc xe mô tô gửi yêu cầu giám định: Dấu vết để lại trên cửa chắn đuôi Romoóc, kích thước cửa 46 cm x 80 cm có chiều hướng từ sau về trước, từ dưới lên trên và từ phải sang trái.

- Xe ô tô tải mang biển số 5*x-6**1 gửi giám định: Dấu vết để lại trên cản bảo hiểm (thanh đỡ và kích thước 23 cm x 207 cm) có chiều hướng từ trước về sau, từ dưới lên trên, từ trái sang phải.

Mẫu sơn màu đen thu ở Romoóc xe mô tô được niêm phong có thành phần giống với mẫu sơn màu đen ở biển số xe 5*x-6**1 (mẫu được niêm phong).

- Mẫu sơn màu trắng thu ở Romoóc xe mô tô được niêm phong có thành phần giống với mẫu sơn màu trắng ở biển số xe ô tô 5*x-6**1 (mẫu được niêm phong)”.

* Vật chứng, đồ vật tài liệu thu giữ:

- 01 xe ô tô biển số 5*x-6**1, số máy H07C-004649, số khung 005047. Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức đã trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Nam H.

- 01 xe mô tô biển số 5*X-0**2 (Số máy: Không; số khung: CT00-115319) và romoóc tự chế. Qua xác minh số máy, số khung không trùng khớp với xe mô tô thu giữ, không có giấy đăng ký xe, không xác định được chủ sở hữu. Qua làm việc với đại diện gia đình bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh T khai nhận Nguyễn Đức T là người quản lý và sử dụng xe mô tô và romoóc, nguồn gốc do mua lại của người khác, tự lắp ráp, không có giấy tờ xe và sử dụng để đi bán rau. Chị Nguyễn Thị Thanh T từ chối nhận lại romoóc tự chế.

Về trách nhiệm dân sự: Phía chủ xe ô tô biển số 51H-6321 là anh Nguyễn Nam H đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân Nguyễn Đức T là 20.000.000 đồng và bồi thường cho chị Trần Thị Kim H 5.200.000 đồng. Bị can và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân Nguyễn Đức T là 60.000.000 đồng. Gia đình bị hại Nguyễn Đức T đã làm đơn bãi nại cho Võ Quang A. Chị Trần Kim H khai nhận chỉ bị thương tích nhẹ đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Võ Quang A có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số: 159/CT-VKSTPTĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Võ Quang A về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Võ Quang A 01 (một) năm 07 (bảy) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam nên đề nghị Hội đồng xét xử trả tự do ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với 01 xe mô tô biển số 5*X-0**2 và romoóc tự chế.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với Cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Trong quá trình bị tạm giam, bị cáo đã biết lỗi của mình. Bị cáo không cố ý gây tại nạn và rất tiếc về hậu quả xảy ra. Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Em Nguyễn Thị Thanh T là đại diện hợp pháp của gia đình bị hại đã nhận tiền bồi thường, viết đơn xin bãi nại và có mặt tại phiên tòa. A Nguyễn Nam H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã rút yêu cầu bồi thường và xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc anh Nguyễn Nam H vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hà.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám phương tiện, bản ảnh phương tiện, biên bản khám nghiệm tử thi, kết quả giám định pháp y... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Khoảng 4 giờ, ngày ngày 10/8/2003, Võ Quang A không có giấy phép lái xe

theo quy định, điều khiển xe ô tô biển số 5*x-6**1 lưu thông trên Quốc lộ 13 theo hướng từ ngã tư Bình Triệu về hướng ngã tư X. Khi lưu thông đến khu vực trước trụ điện số XX, Quốc lộ 1*, phường Z, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước, đã để phía trước xe ô tô biển số 5*x-6**1 đụng vào phía sau xe mô tô biển số 5*X-0**2 kéo rơmoóc tự chế do anh Nguyễn Đức T điều khiển, trên xe chở chị Trần Thị Kim H là nguyên nhân dẫn đến anh T tử vong. Hành vi của Võ Quang A đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 2 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ năm 2001.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, làm thiệt hại về tính mạng của người khác, gây hoang mang cho người tham gia lưu thông bình thường trên đường, ảnh hưởng đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng điều khiển xe vi phạm quy định về an toàn khi tham gia giao thông đường bộ, gây tai nạn dẫn đến hậu quả làm chết người.

Hành vi vi phạm của bị cáo thực hiện khi Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt bằng với khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt nhẹ hơn Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 Nghị quyết của Quốc Hội, hành vi của bị cáo phạm vào “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Trong vụ án này, Nguyễn Nam H là người giao xe ô tô biển số 5*x-6**1 cho bị can Võ Quang A điều khiển. Tuy nhiên, kết quả điều tra không thu giữ được giấy phép lái xe mang tên Võ Quang N như Nguyễn Nam H khai và cũng không chứng minh được Nguyễn Nam H biết Võ Quang A không có giấy phép lái xe theo quy định do Võ Quang A sử dụng tên và giấy phép lái xe ô tô của anh ruột Võ Quang N để xin việc làm. Hơn nữa, tính đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của H giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hà.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định nên thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại và được gia đình làm đơn bãi nại; bị cáo phạm tội lần đầu, bố ruột bị cáo là người có công với cách mạng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là vô ý đối với hậu quả, sau khi gây tai nạn, bị cáo cũng đã chủ động đưa bị hại vào bệnh viện để cứu chữa. Đồng thời, hành vi phạm tội xảy ra đã lâu, bản thân bị cáo có vợ và 02 con, có cuộc sống ổn định tại tỉnh Sơn La, chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật tại địa phương. Sau khi bị bắt, bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại nên được đại diện gia đình bị hại làm đơn bãi nại. Tại phiên tòa, đại diện gia đình bị hại mong muốn Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình. Bên cạnh đó, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và bằng thời hạn tạm giam cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và pháp luật.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đại diện hợp pháp của gia đình bị hại đã nhận tiền bồi thường, làm đơn bãi nại và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe ô tô biển số 5*X-6**1, số máy H07C-004649, số khung 005047. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Nam H là có căn cứ.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 5*X-0**2 (Số máy: Không; số khung: CT00-115319) và romoóc tự chế, không có giấy đăng ký xe, không xác định được chủ sở hữu do anh Nguyễn Đức T là người quản lý và sử dụng xe mô tô và romoóc, nguồn gốc do mua lại của người khác, tự lắp ráp, không có giấy tờ xe

và sử dụng để đi bán rau. Đại diện hợp pháp của bị hại từ chối nhận lại romoóc tự chế nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Võ Quang A** phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999,

- Xử phạt bị cáo **Võ Quang A**: 01 (một) năm 07 (bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2021.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 5*X-0**2 (Số máy: Không; số khung: CT00-115319) và romoóc tự chế.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Anh Ngọc